

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
H.CHÂU THÀNH-TIỀN GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **109/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/3/2022

V/v tranh chấp: “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Bền**
Ông **Đỗ Thanh Hiền**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Lương Thị Trà**

My-Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2021 về tranh chấp: “ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Bé B**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã MA, huyện TT, Long An.

* *Bị đơn:* **Mai Văn H**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã THĐ, huyện CT, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Bé B trình bày: chị và anh H kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì chị và anh H sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp.

Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung tên Mai Văn T, sinh năm 2001, Mai Thành B1, sinh năm 2003 và Mai Thị Kim N, sinh năm 2007. Do cháu T và cháu B1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu, đối với cháu N chị Bé B đồng ý giao cho anh H nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh H trình bày: anh đồng ý ly hôn với chị Bé B, đồng ý nuôi cháu N và đồng ý chị Bé B cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Từ khi thụ lý vụ kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đã thực hiện đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định, vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bé B, giao con cho anh H nuôi dưỡng, chị Bé B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh H có đơn xin vắng mặt, đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: chị Bé B yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, chị Bé B và anh H kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn.

Theo chị Bé B trình bày, sau khi kết hôn thì chị và anh H sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn được, chị đã sống ly thân với anh H hơn 01 năm nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn.

Tại văn bản ngày 06/01/2022 anh H có nêu ý kiến là đồng ý ly hôn với chị Bé B.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Bé B và anh H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay chị Bé B yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Bé B và anh H có 03 con chung tên Mai Văn T, sinh năm 2001, Mai Thành B1, sinh năm 2003 và Mai Thị Kim N, sinh năm 2007. Do cháu T và cháu B1 đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu N, xét thấy hiện nay cháu N đang sống với anh H. Anh H đồng ý nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu cũng muốn sống với anh H. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu nên cần giao cháu cho anh H nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: chị Bé B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Bé B được ly hôn với anh Mai Văn H.

2/ Về con chung: giao cháu Mai Thị Kim N, sinh ngày 18/3/2007 cho anh H nuôi dưỡng.

Chị Bé B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Chị Bé B có quyền tới lui chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: không có, không yêu cầu.

4/ Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

5/ Về án phí: Chị Bé B phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Bé B đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003663 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên còn phải nộp 300.000đồng.

Chị Bé B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND h.Châu Thành;
- THADS h.Châu Thành;
- UBND xã Tân Hội Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Võ Ngọc Hiếu